

động sức dân trong bàn bạc, sử dụng và kiểm tra các chỉ tiêu, từ vay nợ của nước ngoài đến vay nợ của nhân dân. Ít nhất, người dân, như là “chủ nợ” cũng có thể được biết tường tận những số tiền hàng ngàn tỷ đã hoặc sẽ chi tiêu như thế nào vào việc gì. Đó cũng là tinh thần của Công ước chống tham nhũng của LHQ.

Có thể xem Công ước chống tham nhũng này của LHQ như là một lực hỗ trợ công cuộc chống tham nhũng mà chúng ta đang vô đầu bứt tai không biết bắt đầu từ đâu, như thế nào. Khi mà cả quốc hội lẫn dân chúng đều ước chừng rằng con số thất thoát trong xây dựng cơ bản là từ 30 đến 40%, thì rõ ràng Công ước này chính là một tham khảo pháp luật cần thiết cần được phổ biến rộng rãi để mọi người cùng biết và cùng thi hành, vì đầu sao đó chính là một cam kết thực hiện không thể thoái thác. Nếu không nhìn thấy rằng thất thoát đến 40% chính là đã xa rời (quyền lợi của) dân, ít nhất cũng đến 40%, thì rõ ràng là đã “cận thị” để không hiểu tại sao phải quyết liệt chống tham nhũng. Chống tham nhũng để tồn vong. Đơn giản có thể thôi. Tồn vong hay không tồn vong (to survive or not to survive). Sự chọn lựa rất “bi kịch Shakespeare” (to be or not to be) là không thể tránh né. Lịch sử đương đại cho thấy bao kết cục không thương tiếc của các chế độ đắm chìm trong tham nhũng. Từ Milosevic đến Saddam Hussein...

Một năm cũ đã qua, một năm mới đã đến. Còn nhiều việc phải làm để có thể hội nhập, hội nhập thành công và biến sức ép hội nhập đó thành động lực thúc đẩy bản thân. Thời gian không chờ đợi và không chấp nhận nhỡn nhơ. Nhất là khi nay đang trong thời đại kỹ thuật số trong đó, thời gian không còn “tà tà” nữa, mà là vận hành, diễn biến đồng thời trong “thời gian thực” (in real time). Hội nhập bằng sửa đổi pháp luật cho phù hợp với các yêu cầu tham gia WTO là một yêu cầu khẩn cấp. Tuy nhiên, như đã từng thấy, vấn đề không chỉ là sửa đổi luật pháp mà còn là thi hành luật pháp sau đó ■



Ảnh Hòa Tấn

Nhìn lại những diễn biến bất thường trên thị trường tiền tệ năm 2003

PGS. TS. TRẦN NGỌC THƠ

Người dân muốn nghe những thông tin minh bạch hơn là những lời lẽ trấn an một cách mơ hồ. Khi được nghe nói thật, công chúng và các nhà đầu tư sẽ phán đoán và dự báo giá các hàng hoá nhạy cảm theo những biến số chung của nền kinh tế trong nước và thế giới theo cách riêng của mình. Khi tất cả công chúng đều có cùng một cách nhìn như thế sẽ tạo ra một kỳ vọng hợp lý cho cả nền kinh tế về giá các hàng hoá nhạy cảm.

Thị trường tiền tệ Việt Nam trong năm 2003 diễn biến bình thường trong vòng kiểm soát của NHNN ngoại trừ một vài biến động trong tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đôla vào những tháng cuối năm. Tuy nhiên tình hình có vẻ như vượt quá tầm kiểm soát của NHNN khi giá vàng tăng vượt mức kỷ lục, lên đến gần 700 ngàn đồng một chỉ, và tỷ giá giữa đồng Việt Nam và USD tăng đột biến, có khi tăng khoảng vài

trăm đồng so với tỷ giá của ngày hôm trước.

Hạn chế bao cấp thông tin

Khi có những biến động trong giá vàng, giá đôla, người dân thường có thói quen lắng nghe quan điểm của các quan chức điều hành chính sách kinh tế vĩ mô và câu trả lời mà người dân thường nghe là mọi người cứ hãy yên tâm. Chúng ta hãy thử đặt ra một tình huống, nếu giá sử dụng đến một lúc nào đó và vì một lý do

thật khách quan nào đó, tình hình diễn biến ngoài tầm kiểm soát của các quan chức, thì liệu những lần giải thích sau đó có còn thuyết phục được công chúng nữa hay không. Những nhà đầu tư thua lỗ trên thị trường từ những thông tin mang tính chất vừa hướng dẫn, vừa có vẻ chỉ đạo như thế liệu biết trách ai đây.

Vấn đề cơ bản nhất, theo chúng tôi, là các quan chức điều hành kinh tế vĩ mô nên tìm cách hạn chế *bao cấp thông tin* cho công chúng theo như cách chúng ta thường thấy từ trước tới nay, và chỉ sử dụng phương thức “can thiệp trấn an” trên trong những trường hợp thật cần thiết mà thôi. Để làm được điều này, chính sách điều hành giá các mặt hàng nhạy cảm này cần phải công khai và hướng dẫn công chúng hướng theo những kỳ vọng hợp lý của thị trường. Chúng ta hãy bắt đầu từ chính sách tỷ giá đồng Việt Nam so với đôla. Khi đồng nội tệ mất giá, toàn bộ sức ép trên tỷ giá sẽ chuyển dịch sang giá các mặt hàng nhạy cảm khác. Nhanh nhất và dễ thấy nhất là giá vàng và giá bất động sản tăng lên. Để giữ cho được thế ngang bằng lãi suất, nghĩa là, để cho các nhà đầu tư chịu nắm giữ đồng nội tệ, thì lãi suất trong nước cũng phải tăng lên tương ứng với tỷ lệ mất giá của đồng nội tệ. Nếu không như thế, sức ép của tỷ giá sẽ càng chuyển mạnh sang giá vàng, giá bất động sản và chuyển sức ép ngược trở lại chính bản thân nó. Nghĩa là, đồng nội tệ sẽ càng bị mất giá nhiều hơn nữa. Lãi suất tăng lên dẫn tới giá chứng khoán rơi tự do làm ảnh hưởng đến thị trường tài chính trong nước. Nhưng quan trọng hơn cả là lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng đến chủ trương chống giảm phát của chính phủ. Công chúng và các nhà đầu tư rất ngại khi phải tiếp cận nguồn vốn từ phía ngân hàng, và điều này có thể làm ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh trong nước.

Những tác động mang tính dây chuyền trên trong giá cả các hàng hoá nhạy cảm nêu trên là tất yếu, chỉ có điều nó phụ thuộc như thế nào, và đến mức độ nào trong các cam kết của chính phủ với thế giới về hội

nhập kinh tế quốc tế mà thôi. Đây là dạng rủi ro hiển nhiên trong quá trình hội nhập và đã đến lúc chúng ta nên thừa nhận điều này một cách công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng từ chính phía các quan chức điều hành chính sách kinh tế vĩ mô với những lý giải hết sức thoả đáng về các nhân tố tác động đến tỷ giá bao gồm lãi suất, lạm phát, dự trữ quốc tế, thâm hụt cán cân thanh toán, tình hình nợ nước ngoài... của Việt Nam. Ngoài ra công chúng cũng mong muốn biết được tỷ giá hối đoái thực của VND, tỷ giá phản ánh sức cạnh tranh hiện nay của hàng hoá Việt Nam ở vị thế nào so với các nước trong khu vực và trên thế giới, và quan điểm chính thức của các nhà hoạch định chính sách về việc có nên làm giảm giá trị đồng Việt Nam để nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu hay không. Nếu có thì ở mức độ nào, chứ không phải là tự hào với những thông báo rằng tỷ giá đồng Việt Nam trong mười một tháng qua chỉ mất giá không quá 2% so với đôla, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ lạm phát dự kiến là 4%. Những người có chuyên môn đều am hiểu rằng, việc đồng Việt Nam mất giá bao nhiêu là hợp lý phải so sánh trong mối tương quan với lạm phát của các nước mà chúng ta có quan hệ mậu dịch. Kiểu trấn an công luận mơ hồ như thế chẳng có lợi chút nào về lâu dài. Công chúng không thể biết được liệu tỷ lệ này đã phản ánh chính xác những tín hiệu của thị trường hay chưa, hay đó chỉ là những con số chủ quan do các nhà làm chính sách áp đặt.

Khi đã nhận biết được các biến số này và kèm theo đó là những quan điểm chính thống của các nhà hoạch định chính sách trong chính sách điều hành tỷ giá, thì công chúng sẽ có khả năng dự báo tỷ giá của VND đi về đâu một cách hợp lý nhất có thể. Đương nhiên cũng sẽ có những lúc giá vàng, giá ngoại tệ biến động ngoài những dự đoán hợp lý này theo những bước đi ngẫu nhiên do chiến tranh hay là do bất kỳ một nhân tố nào khác và công chúng cũng tin rằng đây chỉ là hiện tượng nhất thời

mà thôi. Những nhận thức này rất quan trọng và nó sẽ không làm cho tình hình trầm trọng thêm.

Ngay từ bây giờ họ sẽ tự tìm cách phòng ngừa rủi ro cho chính mình chứ không lâm vào tình trạng hoảng loạn mỗi khi có những biến động trong giá cả các hàng hoá nhạy cảm. Diễn biến này có thể làm cho tình hình tồi tệ thêm hơn những gì nó vốn có, và rồi đến lúc đó một quan chức lại xuất hiện và tuyên bố “*tôi khuyên người dân nên nắm giữ đồng Việt Nam*”. Chúng ta không phủ nhận mặt tích cực của các tuyên bố này trong điều kiện người dân không có đủ thông tin và dễ bị kẻ xấu trục lợi. Nhưng trong kinh doanh, liệu người dân có thật sự cần thiết cần đến những lời khuyên quá cụ thể như thế của các nhà điều hành chính sách? Có lẽ không là như thế. Làm sao các nhà hoạch định chính sách có thể biết chính xác đầu tư vào đồng Việt Nam đem lại tỷ suất sinh lợi tốt nhất so với đầu tư vào các tài sản khác? Trong khi đầu tư vào đâu lại diễn ra theo các quy luật của thị trường và chúng thuộc chức năng của các nhà tư vấn đầu tư. *Nếu không đúng như thế thì sao? Ai sẽ là người chịu trách nhiệm?*

Không có gì phải ám ĩ

Năm 2003 vừa qua còn chứng kiến sự kiện NHNN phát hành đồng tiền mới. Sự kiện này cũng đã làm dấy lên khá nhiều thắc mắc trong công chúng mặc dù các quan chức ở NHNN khẳng định rằng phát hành tiền mới lần này chỉ là một động thái mang tính nghiệp vụ và rằng nghiệp vụ này sẽ không có tác động gì đến lạm phát dự kiến. Nhưng liệu các nhà đầu tư và công chúng có tin tưởng vào các phát biểu này?

Phát hành tiền vào trong lưu thông là một chức năng bình thường của bất kỳ NHTW nào. Vào tháng 9 năm 2002, ngay cả Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) cũng đã phát hành vào trong lưu thông một số lượng tiền mới dưới hình thức trái phiếu dự trữ liên bang với tổng trị giá khoảng 640 tỷ đôla. Việc phát hành tiền mới vào trong lưu thông diễn ra khá đơn giản. FED bán các trái phiếu này

cho các ngân hàng theo mệnh giá. Khi các ngân hàng mua các trái phiếu này tại FED, thì các khoản ký gởi của các ngân hàng cũng tăng lên với một số lượng tương ứng. Khi cần các ngân hàng sẽ bán trở lại các trái phiếu này cho FED.

Việc phát hành tiền mới vào trong lưu thông ở các nước đang phát triển mới là hiện tượng mà các nhà hoạch định chính sách quan tâm nhiều nhất. Thông thường những quốc gia thường xuyên phát hành tiền mới vào trong lưu thông là những nền kinh tế có thâm hụt trong chính sách tài khóa, hệ thống thuế hoạt động không hiệu quả. Nhiều nước trong số này có thị trường tài chính yếu kém với các khoản nợ chiếm dụng lẫn nhau mà không có khả năng hoàn trả. Để giải quyết bế tắc này, NHTW thường phát hành tiền thêm vào trong lưu thông để trang trải cho các khoản chi tiêu của ngân sách. Đây được xem như là nguyên nhân chính dẫn tới căn bệnh lạm phát kinh niên ở một số quốc gia trên thế giới. Argentina có thể được xem như là một điển hình sinh động về trường hợp này. Đến mức độ quốc hội nước này phải ban hành một bộ luật gọi là Luật chuyển đổi (Convertibility Law) vào ngày 27 tháng 3 năm 1991. Theo đó, để đảm bảo giá trị của đồng tiền trong nước, chính phủ sẽ không được phép phát hành các khoản nợ nếu như việc phát hành này, mà thực chất là phát hành thêm tiền vào lưu thông, không được hỗ trợ 100% bằng một khoản dự trữ quốc tế tăng lên tương ứng. Bộ luật chuyển đổi này đã góp phần làm giảm lạm phát đáng kể ở Argentina từ mức 3080% năm 1989 xuống tới mức bằng 0% vào năm 2000.

Việc đánh giá tác động của phát hành tiền mới vào lưu thông khá phức tạp và còn gây ra rất nhiều tranh luận. Phát hành tiền mới vào trong lưu thông nếu phù hợp với các chỉ số kinh tế vĩ mô, nhiều khi còn được xem là có tác dụng tích cực trong việc ổn định giá cả. Tuy nhiên phát hành tiền mới có thể tạo ra lạm phát nếu gắn liền với nó là (1) thâm hụt cao trong chính sách tài khóa của quốc gia (2) hệ thống thuế hoạt động

không hiệu quả và chính phủ không tuân chiến lược mạnh mẽ với các khoản chi tiêu lãng phí (3) chính phủ không muốn hoặc không có khả năng vay nợ từ các thị trường tài chính trong nước hoặc nước ngoài (4) chính phủ luôn tìm mọi cách thuyết phục NHTW tài trợ cho các khoản thâm hụt ngân sách.

Một dữ kiện rất quan trọng để có thể đánh giá thêm tác động của việc phát hành tiền mới vào lưu thông là chúng chiếm bao nhiêu phần trăm trong GDP của một quốc gia. Thật khó có thể đưa ra một con số để kết luận phát hành tiền mới vào lưu thông chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm trong GDP là vừa phải. Có thể lấy một số dữ kiện từ một số nền kinh tế đang chuyển đổi Đông Âu để minh họa, bởi đây là những quốc gia đang có tham vọng trở thành thành viên của các nước sử dụng đồng euro, và do đó phải thỏa mãn những tiêu chuẩn rất nghiêm ngặt trong chính sách tài khóa và tiền tệ của khối EU theo hiệp ước Maastricht. Chúng đáng là những chỉ số mà chúng ta tham khảo trên con đường tiến tới sự minh bạch trong chính sách tài chính.

Từ năm 1995 đến nay chỉ số này có nhiều biến động, nhưng đạo gần đây nước Cộng hòa Sec hầu như không phát hành tiền thêm trong lưu thông. Hungary có tỷ lệ là 1% và Ba Lan là 4% trên GDP. Tỷ lệ phát hành tiền vào lưu thông ở các quốc gia này cũng giảm dần theo thời gian cùng với việc giảm dần trong lãi suất danh nghĩa (là lãi suất thực cộng với lạm phát dự kiến). Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, tỷ lệ này nên ở mức hợp lý vào khoảng 0,5% GDP. Tỷ lệ này còn cho phép chính phủ nhận được một lợi ích nữa là sẽ giảm được phần bù rủi ro tăng thêm khi phát hành trái phiếu quốc tế. Nghĩa là việc đưa tiền mới vào lưu thông còn có một tương quan chặt chẽ với việc vay nợ nước ngoài sau này. Đây là điều mà Chính phủ cần phải cân nhắc khi phát hành tiền mới vào lưu thông. Như vậy, việc phát hành tiền mới ở VN hiện nay không có gì là chuyện phải làm nếu như việc phát hành này được công khai các thông

tin có liên quan, chỉ ít cũng là những thông tin liên quan đến các chỉ số mà bài viết này đề cập với những lý giải hết sức rõ ràng. Trên thực tế, theo lý giải của một quan chức NHTW rằng "Đưa ra một số loại tiền mới thực chất là bổ sung cơ cấu mệnh giá tiền cho hợp lý hơn chứ không phải đưa thêm tiền vào lưu thông, càng không phải là lạm phát tiền tệ" dường như là quá dễ để giải thích và phải chăng chúng cũng chưa đủ liều lượng cần thiết để trả lời cho những thắc mắc xoay quanh việc phát hành tiền mới lần này?

Tóm lại, người dân muốn nghe những thông tin minh bạch hơn là những lời lẽ trấn an một cách mơ hồ. Khi được nghe nói thật, công chúng và các nhà đầu tư sẽ phán đoán và dự báo giá các hàng hoá nhạy cảm theo những biến số chung của nền kinh tế trong nước và thế giới theo cách riêng của mình. Khi tất cả công chúng đều có cùng một cách nhìn như thế sẽ tạo ra một kỳ vọng hợp lý cho cả nền kinh tế về giá các hàng hoá nhạy cảm. Khi đó nếu giá đôla có tăng theo chênh lệch lạm phát, hay theo chênh lệch lãi suất trong nước và quốc tế hay do bất kỳ nguyên nhân nào đi chăng nữa thì những dự báo này đã nằm trong kỳ vọng hợp lý của công chúng. Hoặc như đợt phát hành tiền mới vừa rồi, nếu như các quan chức NHNN công khai các thông tin cần thiết để cho công chúng hiểu rõ vấn đề, rằng đợt phát hành tiền mới lần này là phù hợp với các chỉ số vĩ mô của nền kinh tế, thì thậm chí các nhà kinh tế còn tin tưởng rằng việc phát hành tiền mới với một tỷ lệ hợp lý còn là một công cụ hữu hiệu để tiếp cận chính sách ổn định tài chính vĩ mô (macro-financial stabilization policy). Điều kiện tiên quyết để có thể đạt được mục tiêu này là Chính phủ phải công khai các thông tin có liên quan đến việc phát hành tiền mới trong lưu thông. Đây cũng được xem như là một trong những bước tiến quan trọng hướng đến việc làm gia tăng tính minh bạch trong các chính sách của NHTW và củng cố niềm tin nơi công chúng ■